

QUỐC HỘI
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 10 năm 1992

LUẬT TỔ CHỨC TOÀ ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ vào Hiến pháp năm 1992 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật này quy định về tổ chức và hoạt động của các Toà án nhân dân.

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Toà án nhân dân tối cao, các Toà án nhân dân địa phương, các Toà án quân sự và các Toà án khác do Luật định là các cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Các Toà án xét xử những vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động và những vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Trong phạm vi chức năng của mình, Toà án có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa; bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể; bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân.

Bằng hoạt động của mình, Toà án góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, các vi phạm pháp luật khác.

Điều 2

1- Ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có các Toà án sau đây:

- Toà án nhân dân tối cao;
- Các Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

- Các Toà án quân sự;
- Các Toà án khác do Luật định.

Trong tình hình đặc biệt, Quốc hội có thể quyết định thành lập Toà án đặc biệt.

2- ở cơ sở, thành lập các tổ chức thích hợp của nhân dân để giải quyết những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân. Tổ chức và hoạt động của tổ chức này do Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định.

Điều 3

Chế độ bổ nhiệm Thẩm phán được thực hiện đối với các Toà án các cấp.

Chế độ cử Hội thẩm được thực hiện đối với Toà án nhân dân tối cao và các Toà án quân sự.

Chế độ bầu Hội thẩm được thực hiện đối với các Toà án nhân dân địa phương.

Điều 4

Việc xét xử của Toà án nhân dân có Hội thẩm nhân dân tham gia, việc xét xử của các Toà án quân sự có Hội thẩm quân nhân tham gia theo quy định của pháp luật tố tụng. Khi xét xử, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán.

Điều 5

Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Điều 6

Toà án xét xử tập thể và quyết định theo đa số.

Thành phần Hội đồng xét xử ở mỗi cấp xét xử do pháp luật tố tụng quy định.

Điều 7

Toà án xét xử công khai, trừ trường hợp cần xét xử kín để giữ gìn bí mật Nhà nước hoặc thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Điều 8

Toà án xét xử theo nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, địa vị xã hội.

Điều 9

Toà án bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo, quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Điều 10

Toà án bảo đảm cho những người tham gia tố tụng quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình trước Toà án.

Điều 11

Bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật phải được các cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ trang, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và mọi người tôn trọng.

Cá nhân, cơ quan, tổ chức có nghĩa vụ chấp hành bản án, quyết định của Toà án phải nghiêm chỉnh chấp hành.

Trong phạm vi chức năng của mình, Toà án nhân dân và các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ thi hành bản án, quyết định của Toà án phải nghiêm chỉnh thi hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ đó.

Điều 12

Trong trường hợp cần thiết, cùng với việc ra bản án, quyết định, Toà án ra kiến nghị yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm hoặc vi phạm pháp luật tại cơ quan, tổ chức đó. Cơ quan, tổ chức nhận được kiến nghị, có trách nhiệm nghiên cứu thực hiện và trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị phải thông báo cho Toà án về việc đó.

Điều 13

Toà án phối hợp với cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, đơn vị vũ trang, tổ chức kinh tế trong việc phát huy tác dụng giáo dục của phiên toà và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành bản án, quyết định của Toà án.

Điều 14

Toà án cùng với Viện kiểm sát, các cơ quan Công an, Thanh tra, Tư pháp, cơ quan hữu quan khác, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận nghiên cứu và thực hiện những chủ trương, biện pháp nhằm phòng ngừa và chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác.

Điều 15

Chánh án Toà án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp thì chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước; trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội.

Chánh án Toà án nhân dân địa phương chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân cùng cấp; trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 16

Việc quản lý các Toà án nhân dân địa phương về mặt tổ chức do Bộ trưởng Bộ Tư pháp đảm nhiệm có sự phối hợp chặt chẽ với Chánh án Toà án nhân dân tối cao. Quy chế phối hợp giữa Bộ trưởng Bộ tư pháp và Chánh án Toà án nhân dân tối cao trong việc quản lý các Toà án nhân dân địa phương về mặt tổ chức do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định.

CHƯƠNG II

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Điều 17

1- Toà án nhân dân tối cao là cơ quan xét xử cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2- Cơ cấu tổ chức của Toà án nhân dân tối gồm:

- Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao;
- Ủy ban Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao;
- Toà án quân sự trung ương, Toà hình sự, Toà dân sự và các Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao; trong trường hợp cần thiết, ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập các Toà chuyên trách khác theo đề nghị của Chánh án Toà án nhân dân tối cao;
- Bộ máy giúp việc.

3- Toà án nhân dân tối cao có Chánh án, các Phó Chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Toà án.

Điều 18

Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn các Toà án áp dụng thống nhất pháp luật, tổng kết kinh nghiệm xét xử của các Toà án;

Toà án nhân dân tối cao giám đốc việc xét xử của các Toà án các cấp; giám đốc việc xét xử của Toà án đặc biệt và các Toà án khác, trừ trường hợp có quy định khác khi thành lập các Toà án đó;

Toà án nhân dân tối cao trình Quốc hội dự án Luật và trình Ủy ban thường vụ Quốc hội dự án pháp lệnh theo quy định của pháp luật.

Điều 19

Toà án nhân dân tối cao có thẩm quyền:

- 1- Sơ thẩm đồng thời chung thẩm những vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng;
- 2- Phúc thẩm những vụ án mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Toà án cấp dưới trực tiếp bị kháng cáo, kháng nghị;
- 3- Giám đốc thẩm, tái thẩm những vụ án mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

Điều 20

- 1- Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao là cơ quan xét xử cao nhất theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, đồng thời là cơ quan hướng dẫn công tác xét xử của các Toà án các cấp.
- 2- Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao gồm có:
 - Chánh án, các Phó Chánh án Toà án nhân dân tối cao;
 - Các Chánh toà, Phó Chánh toà các Toà chuyên trách của Toà án nhân dân tối cao;
 - Một số Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao được Chánh án Toà án nhân dân tối cao cử và trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

Điều 21

- 1- Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
 - Giám đốc thẩm, tái thẩm những vụ án mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Ủy ban Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao bị kháng nghị;
 - Hướng dẫn các Toà án áp dụng thống nhất pháp luật;
 - Tổng kết kinh nghiệm xét xử;
 - Chuẩn bị dự án luật để trình Quốc hội, dự án pháp lệnh để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- 2- Quyết định của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao phải được quá nửa tổng số thành viên Hội đồng Thẩm phán biểu quyết tán thành. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ tư pháp có trách nhiệm tham dự các phiên họp của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao khi thảo luận việc hướng dẫn áp dụng pháp luật, tổng kết kinh nghiệm xét xử.

Điều 22